

**TRẦN MINH TRƯỜNG. Những quan điểm, nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới.** H.: Chính trị quốc gia, 2014, 212 tr., Vb 51622.

Ngay sau khi giành được chính quyền, trên cương vị là lãnh tụ cao nhất của Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh là người chỉ đạo xây dựng đường lối đối ngoại của Đảng, hoạch định chính sách ngoại giao của Nhà nước, từng bước kiến tạo và mở rộng mối quan hệ quốc tế, tăng cường thế và lực của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người đã đưa ra những quan điểm và nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, theo nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi trong quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới.

Mặc dù tình hình thế giới có những biến đổi phức tạp, khó lường, biểu hiện trên nhiều lĩnh vực, nhưng những vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế, như chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo, nhất là vấn đề giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp quyền lợi giữa các quốc gia, dân tộc, vẫn phải tuân thủ theo đúng những quan điểm và nguyên tắc ứng xử quốc tế mà Hồ Chí Minh chỉ dẫn.

Nội dung sách gồm 2 chương:

Chương 1 làm rõ những quan điểm, nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh.

Chương 2 phân tích quá trình vận dụng quan điểm và nguyên tắc ứng xử

trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh trong bối cảnh, tình hình mới.

*LÊ HỮU*

**NGUYỄN THÁI ANH - QUỐC DŨNG** (tuyển chọn, biên soạn). **Chính nghĩa Việt Nam về chủ quyền biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa.** H.: Văn học, 2014, 279 tr., Vb 51637.

Nhằm thể hiện thái độ kiên quyết và dứt khoát, sự kiên định, đồng lòng của toàn Đảng, toàn quân, toàn nhân dân Việt Nam chung một ý chí, chung một hành động không khoan nhượng lùi bước trước sự xâm lăng của các thế lực ngoại bang; đồng thời hun đúc, giáo dục, khơi dậy truyền thống yêu nước của cả dân tộc, xác định rõ hơn vai trò trách nhiệm của mỗi công dân trước vận mệnh của đất nước; kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, nhóm biên soạn đã xuất bản bộ sách có chủ đề “Chủ quyền biển đảo là thiêng liêng và bất khả xâm phạm”. Cuốn sách là một trong số đó.

Nội dung sách là sự tập hợp, phản ánh những dư luận của bạn bè quốc tế, nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình tự do trên toàn thế giới lên án hành động khiêu khích của Trung Quốc khi đơn phương hạ đặt trái phép giàn khoan HD 981, leo thang đưa hàng loạt tàu quân sự, máy bay quân sự xâm phạm vùng trời, vùng biển Việt Nam; đe dọa trực tiếp đến an ninh hàng hải, an ninh chính trị, trật tự khu vực đối với Việt Nam và những nước có quyền lợi liên

quan (phần I); đồng thời đưa ra những căn cứ pháp lý quốc tế giúp Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo (phần II).

HÀ LINH

ĐINH XUÂN DŨNG (chủ biên). **Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam**. H.: Chính trị quốc gia, 2014, 287 tr., Vb 51393.

Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam là một vấn đề mới về lý luận, cần được quan tâm nghiên cứu, giải quyết. Không đi vào các lĩnh vực cụ thể của lịch sử văn hóa, các loại hình văn hóa, không dành nhiều cho việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng văn hóa, thực trạng các lĩnh vực cụ thể của văn hóa, cuốn sách nghiên cứu văn hóa ở tầm khái quát, triết lý, theo hệ giá trị và quan hệ biện chứng, phong phú của văn hóa với các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội để tạo nên nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển, từ đó xác định văn hóa phải là một thành tố hữu cơ đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển chung của dân tộc. Đó cũng là những nội dung chính được trình bày trong 4 phần của cuốn sách.

Phần 1: Nhận diện văn hóa với tư cách là hệ giá trị và vị trí, vai trò của văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam.

Phần 2: Quan hệ biện chứng giữa văn hóa với các thành tố cơ bản của đời sống xã hội - nguồn lực và sức mạnh nội sinh của sự phát triển bền vững.

Phần 3: Nhiệm vụ trung tâm của văn hóa trong chiến lược phát triển: Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chung của

con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phần 4: Chăm lo xây dựng văn hóa, tạo động lực cho sự phát triển đất nước thời kỳ mới.

HUỆ NGUYỄN

LƯƠNG HỒNG QUANG. **Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật**. H.: Chính trị quốc gia, 2014, 299 tr., Vb 51631.

Thế giới hiện đại đã ghi nhận những quan niệm mới về giới, bình đẳng giới, hôn nhân, gia đình. Đồng tính, song tính và chuyển giới là những xu hướng tính dục, bản dạng giới tự nhiên của loài người (chiếm số ít) bên cạnh xu hướng dị tính (phổ biến). Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới thuộc nhóm quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương. Quá trình ghi nhận, bảo vệ quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới thường phải trải qua thời gian rất dài, thậm chí có sự tranh luận về mặt chính trị, văn hóa, xã hội. Về cơ bản, pháp luật Việt Nam bảo đảm hầu hết các quyền cho nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội này. Một số quyền khác đang trong quá trình xem xét và cũng có nhiều quan điểm khác nhau chung quanh việc công nhận những quyền này hay không, trong đó có quyền kết hôn, thừa nhận quan hệ sống chung của người đồng tính, quyền phẫu thuật chuyển đổi giới tính của người chuyển giới, quyền nhận con nuôi chung...

Cuốn sách cung cấp cho bạn đọc những kiến thức chung về cộng đồng đồng tính, song tính, chuyển giới và nhu cầu của họ, đồng thời gợi mở cho những thảo luận dưới góc độ pháp lý sâu hơn

về vấn đề này trong thời gian tới. Nội dung sách được trình bày trong 3 chương chính:

Chương 1: Những vấn đề chung về đồng tính, song tính và chuyển giới.

Chương 2: Pháp luật quốc tế và một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới về người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Chương 3: Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới trong đời sống xã hội, pháp luật của Việt Nam và một số khuyến nghị.

### HOÀI PHÚC

NGUYỄN THỊ THU HOÀI. **Khủng hoảng tài chính toàn cầu: Ứng phó của thế giới và của Việt Nam.** H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2014, 270 tr., Vb 51626.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 như một cơn “siêu địa chấn” kinh tế với sức tàn phá trầm trọng nhất kể từ sau cuộc Đại suy thoái 1929-1933. Tuy không nằm trong trung tâm của siêu địa chấn, nhưng đối với Việt Nam cuộc khủng hoảng đó đã có những tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế, xã hội trong nước. Cho đến nay, kinh tế thế giới vẫn đứng trước những thách thức to lớn, vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Điều đó đã làm nhiều nhà nghiên cứu kinh tế quan niệm, cuộc khủng hoảng này có phần dịu đi nhưng dường như vẫn tiếp tục với những biến thái mới. Nội dung sách là một nghiên cứu có hệ thống từ lý luận đến thực tiễn về vấn đề vừa nêu. Sách gồm 3 chương.

Chương I: *Cơ sở lý luận về khủng hoảng tài chính toàn cầu và nhận diện cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu*

2008, trong đó làm sáng tỏ tính toàn cầu của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và vai trò điều tiết của Nhà nước trong việc ứng phó trước những tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Chương II: *Ứng phó toàn cầu và một số quốc gia tiêu biểu với khủng hoảng tài chính toàn cầu*, trong đó hệ thống hóa những giải pháp ứng phó khủng hoảng của cộng đồng quốc tế và đúc rút những kinh nghiệm chung từ việc ứng phó với những tác động của khủng hoảng và chỉ ra một số vấn đề đang đặt ra đối với kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng.

Chương III: *Việt Nam với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu*, trong đó nêu rõ các bài học kinh nghiệm phòng và chống khủng hoảng, đặc biệt cho Việt Nam.

### HÀ AN

NGUYỄN VĂN TOÀN. **Định canh định cư và biến đổi kinh tế - xã hội của người Khơ Mú và người H'Mông.** H.: Thế giới, 2014, 319 tr., Vb 51634.

Nghiên cứu trong sách được thiết kế trên cơ sở tìm hiểu hai mô hình nông nghiệp du canh truyền thống khác nhau của người H'Mông và Khơ Mú ở Việt Nam. Thông tin thu được từ hai mô hình này và quá trình định canh định cư ở hai cộng đồng được phân tích, so sánh theo chiều lịch đại và đồng đại trong đó tập trung vào so sánh lịch sử các vấn đề nghiên cứu giữa truyền thống và hiện đại (lịch đại) ở từng tộc người thông qua nguồn tư liệu thứ cấp, tài liệu tham khảo và các câu chuyện cuộc đời, tư liệu hồi cố; và so sánh theo

chiều đồng đại giữa nội dung nghiên cứu ở người Khơ Mú và người H'Mông tại địa bàn khảo sát và các vùng khác trong quá trình thực hiện định canh định cư.

6 chương sách tập trung làm rõ các vấn đề:

- Đánh giá tổng quát về chính sách và quá trình thực hiện định canh định cư trên thế giới và Việt Nam; trên cơ sở đó trình bày một số vấn đề lý luận về nông nghiệp du canh và chính sách định canh định cư.

- Phân tích các chính sách định canh định cư của Đảng, Nhà nước và quá trình thực hiện từ năm 1968 đến nay.

- Phân tích, đánh giá về những đặc điểm biến đổi và thích ứng văn hóa của hai nhóm dân tộc Khơ Mú và H'Mông trong quá trình chuyển đổi lối sống sang định canh định cư và những ngụ ý thực tiễn cho chính sách phát triển ở vùng dân tộc thiểu số miền núi.

TRẦN AN

**PHONG LÊ. Trăm năm trong cõi... Về một thế hệ vàng văn chương Việt hiện đại.** H.: Văn học, 2014, 319 tr., Vb 51638.

Cuốn sách giới thiệu 23 tác giả, có năm sinh từ thập niên cuối thế kỷ XIX như Tản Đà, Ngô Tất Tố, Hoàng Ngọc Phách... tới những tên tuổi sinh vào thập niên 1920 như Tố Hữu, Chế Lan Viên, Tô Hoài... Tác giả cuốn sách gọi các tác giả được giới thiệu là “thế hệ vàng” bởi họ là những người có công đầu trong việc khai mở và hoàn thiện diện mạo hiện đại cho văn chương, học thuật dân tộc; được

thể hiện một cách tập trung và nổi bật trong thời kỳ 1930-1945.

Nội dung sách thể hiện cái nhìn am tường, cặn kẽ về tác phẩm, tác giả lớn của văn chương hiện đại Việt Nam; ngoài ra, còn giúp người đọc nhận diện về vai trò, tầm vóc của một thế hệ đã mang lại một mùa vàng cho văn chương Việt Nam. Các bài viết trong sách đánh giá cái hay cái đẹp trong tác phẩm cũng như sự nghiệp của nhiều nhà văn, nhà thơ, học giả, ví dụ: Nguyễn Công Hoan có một đời văn lực lưỡng; Thạch Lam với những tác phẩm lãng mạn và hiện thực; Nguyễn Tuân là người đến được với cái đẹp và cái thật; Ngô Tất Tố lại mang nét hiện đại trong một nhà Nho...

Bên cạnh đó, tác giả sách cũng nhìn nhận công lao của các tác giả được giới thiệu, từ đó toát lên lịch sử một giai đoạn văn chương Việt Nam. Viết về Tản Đà, tác giả sách nhấn mạnh vào đặc điểm thơ đi sâu vào “cái tôi”, công cuộc giải phóng cá nhân của tác giả bài *Thề non nước*, qua đó, cho thấy Tản Đà như một nhà cách mạng văn chương, một sứ giả tiên phong: “Tản Đà chỉ làm thơ, chứ không làm thơ cách mạng, càng chưa làm cách mạng, nhưng thơ ông đã là một nhu cầu của đời sống tinh thần và tình cảm quần chúng”; hoặc về Hoàng Ngọc Phách, tác giả sách nhấn mạnh vào công lao của người khai mào nền tiểu thuyết mới và trào lưu lãng mạn; về “ông hoàng thơ tình” Xuân Diệu được đánh giá xứng đáng “là người tiếp tục nối dài và làm giàu cho di sản, để trở thành di sản”;...

KHÁNH VÂN